

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25/5/2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trường Vũ;
2. Ông Huỳnh Thanh Hùng.

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 374/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 78/2021/QĐXXST-HN ngày 14 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Mộng T, sinh năm 1987; Địa chỉ: số 159, tổ 26, ấp P, xã H, huyện A, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1987; Địa chỉ: số 320, tổ 21, ấp H, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lâm Thị Mộng T trình bày: Năm 2012, chị T và anh L tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 179/2012, quyền số 01/2012 ngày 22/8/2012. Chị T và anh L về chung sống với cha mẹ ruột anh L

được khoảng 6 tháng, sau đó, chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột chị T tại tổ 26, ấp Phước Hòa, xã Phước Hưng, huyện An Phú, tỉnh An Giang sinh sống. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì chị T và anh L phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã, tính tình không hòa hợp. Đồng thời, chị T và anh L được gia đình anh L hàn gắn tình cảm nhưng không thành và đã không còn chung sống với nhau cho đến nay. Chị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị T và anh L có 01 con chung tên Nguyễn Hòa T, sinh ngày 20/02/2013. Hiện con chung đang sống với chị T, khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 587/TB-TLVA ngày 12/10/2020 cho anh Nguyễn Văn L thông qua người thân là bà Lâm Tuyết Nở (mẹ ruột anh L) nhận thay và bà Nở xác nhận có báo lại cho anh L biết về việc chị T khởi kiện ly hôn với anh L tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ý kiến của anh L đối với yêu cầu của chị T và các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có).

Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh L vắng mặt theo các lần triệu tập. Tòa án không tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về tình cảm, con chung. Ngày 22/3/2021, Tòa án ban hành Thông báo số 90/2021/TB-TA về việc công khai chứng cứ do Tòa án thu thập cho anh Nguyễn Văn L, nhưng anh L cũng không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh L vắng mặt, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh Công an xã Châu Phong, thị xã Tân Châu; Hội liên hiệp phụ nữ xã Phước Hưng, huyện An Phú; Xác minh (lấy lời khai) của bà Lâm Tuyết Nở (mẹ ruột anh L) và ý kiến của cháu Nguyễn Hòa T, cụ thể:

- Công an xã Châu Phong, thị xã Tân Châu cho biết: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1987 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 21, ấp Hòa Long, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nhưng anh L đã bỏ địa phương đi (không rõ bỏ đi thời gian nào), không trình báo.

Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Phước Hưng, huyện An Phú xác nhận: Chị T và anh L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Chị T và anh L có 01 con chung tên Nguyễn Hòa T, sinh ngày 20/02/2013. Cháu T hiện đang học lớp 2B, trường tiểu học A Phước Hưng thuộc xã Phước Hưng, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Cháu có cuộc sống tốt, được chị T và bà ngoại yêu thương, chăm sóc đầy đủ, cháu được đi học đúng độ tuổi. Gia đình chị T chấp hành tốt pháp luật và thực hiện đúng nghĩa vụ công dân ở địa phương.

- Bà Lâm Tuyết Nở (mẹ ruột anh L) cung cấp: Khoảng năm 2012, T và L tự tìm hiểu, yêu thương nhau, tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn. Sau đó, T và L về sống bên gia đình bà Nở tại tổ 21, ấp Hòa Long, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu được 06 tháng thì T và L bất hòa nên T bỏ về nhà cha mẹ ruột của T sinh sống. Sau đó, cả hai đi làm và sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2020 thì T và L phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung và sống xa nhau từ năm 2020 cho đến nay. Đồng thời, gia đình bà Nở đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng (T – L) nhưng không thành.

Vợ chồng (T – L) có 01 con chung tên Nguyễn Hòa T, sinh ngày 20/02/2013, hiện cháu T được T và ông bà ngoại nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Đồng thời, cháu T được lo ăn học. T và L không có tài sản chung và nợ chung.

Ngoài ra, bà Lâm Tuyết Nở có nhận thay các văn bản tố tụng (Thông báo thụ lý vụ án số 587/TB-TLVA ngày 12/10/2020 và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 611/TB-TA ngày 02/11/2020) của Tòa án tổng đạt cho anh L và có báo lại các văn bản tố tụng trên cho anh L biết và anh L có biết chị T khởi kiện ly hôn tại Tòa án. Bà Nở đồng ý tiếp tục nhận thay các văn bản tố tụng tiếp theo mà Tòa án tổng đạt cho anh L và sẽ báo lại cho anh L biết.

- Cháu Nguyễn Hòa T trình bày, cháu T có nguyện vọng sống với mẹ T vì mẹ T chăm sóc, nuôi cháu, hiện cháu có cuộc sống đầy đủ và được đi học.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hôn nhân của chị T và anh L là hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 179/2012, quyền số 01/2012 ngày 22/8/2012. Năm 2019, chị T và anh L phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã, tình tình không hòa hợp. gia đình anh L hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Mâu thuẫn giữa chị T và anh L trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn L là có căn cứ.

Về con chung: Chị T có yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu Nguyễn Hòa T, sinh ngày 20/02/2013, không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Hiện nay, cháu T đang sống với chị T và ông bà ngoại của cháu. Đồng thời, cháu T được chăm sóc, nuôi dạy tốt và được lo đi học, cháu T cũng có nguyện vọng được sống với chị T.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị Mộng T được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị Lâm Thị Mộng T được nuôi con chung tên: Nguyễn Hòa T, sinh ngày 20/02/2013, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị Lâm Thị Mộng T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Lâm Thị Mộng T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn L. Anh L có nơi cư trú tại tổ 21, ấp Hòa Long, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Văn L được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lâm Thị Mộng T và anh Nguyễn Văn L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 179/2012, quyền số 01/2012 ngày 22/8/2012, hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị T khai: Năm 2019, chị T và anh L phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã, tính tình không hòa hợp. Đồng thời, chị T và anh L được gia đình anh L hàn gắn tình cảm nhưng không thành và đã không còn chung sống với nhau cho đến nay. Chị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Qua xác minh lời khai của bà Lâm Tuyết Nở (mẹ ruột anh L) cung cấp: Vợ chồng (T và L) sống bên gia đình bà Nở tại tổ 21, ấp Hòa Long, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu được 06 tháng thì T và L bất hòa nên T bỏ về nhà cha mẹ ruột của T sinh sống. Sau đó, cả hai đi làm và sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2020 thì T và L phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung và sống xa nhau từ năm 2020 cho đến nay. Đồng thời, gia đình bà Nở đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng (T – L) nhưng không thành.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng của chị T và anh L phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung và sống xa nhau từ năm 2020 cho đến nay. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị T và anh L hàn gắn tình cảm, nhưng anh L vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tình trạng vợ chồng chị T và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững mà còn kéo dài sự đau khổ cho chị T. Xét, cho chị Lâm Thị Mộng T ly hôn với anh Nguyễn Văn L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung tên: Nguyễn Hòa T, sinh ngày 20/02/2013, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Qua xác nhận Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Phước Hưng, huyện An Phú và lời khai của bà Lâm Tuyết Nở (mẹ ruột anh L) thì cháu T hiện được chị T và ông bà ngoại nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Đồng thời, cháu T được lo ăn học, cháu được đi học đúng độ tuổi. Ngoài ra, ý kiến của cháu Nguyễn Hòa T, từ trước cho đến nay, cháu T sống với mẹ T và ông bà ngoại. Nếu cha mẹ ly hôn thì cháu T có nguyện vọng sống với mẹ T vì mẹ T chăm sóc, nuôi cháu, hiện cháu có cuộc sống đầy đủ và được đi học.

Xét, chị T yêu cầu được nuôi dạy con chung Nguyễn Hòa T, sinh ngày 20/02/2013, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

Chị Lâm Thị Mộng T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lâm Thị Mộng T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Nguyễn Văn L không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị Mộng T.

Chị Lâm Thị Mộng T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 179/2012, quyển số 01/2012 ngày 22/8/2012, do Ủy ban nhân dân xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho chị Lâm Thị Mộng T và anh Nguyễn Văn L không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị Lâm Thị Mộng T được tiếp tục nuôi dạy con chung tên: Nguyễn Hòa T, sinh ngày 20/02/2013. Anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lâm Thị Mộng T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Lâm Thị Mộng T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm

đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2019/0005457 ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị Lâm Thị Mộng T đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn L không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án, chị T có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh L là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Bạch Tuyết